

**THÔNG BÁO**  
**Về việc Yêu cầu báo giá thuốc**

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh dược  
(các Quý doanh nghiệp dược)

Hiện tại, Bệnh viện Sản-Nhi Bắc Ninh số 1 đang có nhu cầu mua một số thuốc Biệt dược gốc và thuốc Generic phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người bệnh năm 2026. Bệnh viện kính yêu cầu các Quý doanh nghiệp dược quan tâm, cung cấp thông tin về giá thuốc, theo các nội dung sau:

**Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản-Nhi Bắc Ninh số 1
- Tên dự toán mua sắm: Mua thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1 (đợt 1 năm 2026)".
- Tên gói thầu và danh mục yêu cầu báo giá:

**\* Gói thầu số 1.**

Tên gói thầu: Mua thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (đợt 1 năm 2026).

Gồm 05 danh mục thuốc Biệt dược gốc, mỗi danh mục là một phần của gói thầu (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**\* Gói thầu số 2.**

Tên gói thầu: Mua thuốc Generic (đợt 1 năm 2026).

Gồm 23 danh mục thuốc Generic, mỗi danh mục là một phần của gói thầu (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

4. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên bà: Dương Thị Thu Hiền
- Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược
- Số điện thoại: 0966222629
- Địa chỉ: Khoa Dược, Bệnh viện Sản-Nhi Bắc Ninh số 1, Đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.
- Email: dshien140383@gmail.com

5. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Hình thức tiếp nhận báo giá: trực tiếp.

Số lượng bản báo giá: 03 bản gốc

6. Địa điểm phát hành Yêu cầu báo giá: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> hoặc <http://benhviensannhibacgiang.vn>

7. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ thời điểm phát hành thành công Thông báo yêu cầu báo giá đến trước 10 giờ 00 phút ngày 24 tháng 02 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của thuốc phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá thuốc.

8. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 24/02/2026. Báo giá của Quý công ty cung cấp sẽ là căn cứ để Bệnh viện xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự toán mua sắm: “Mua thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1 (đợt 1 năm 2026)”. Rất mong nhận được sự quan tâm tham gia của Quý doanh nghiệp được.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT, KD, TC-KT.

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Trường Giang**



## II. Gói thầu số 02: Mua thuốc generic (đợt 1 năm 2026)

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai/kê khai lại	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
1.	7	Fentanyl		50mcg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống		1.000		
2.	7	Fentanyl		50mcg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống		10.000		
3.	43	Ibuprofen		100mg/10 ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống		4					Lọ/ống		16.000		
4.	103	Diphenhydramin		10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống		3.000		
5.	213	Gentamicin		80mg/ 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống		6.000		
6.	259	Vancomycin		500mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô		4					Lọ/ống		2.000		
7.	414	Triptorelin		3,75mg	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống		150		
8.	463	Albumin		20%/50ml (10g/50ml)	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền		1					Chai/ Lọ/ Ống/Túi		100		
9.	539	Nicardipin		10mg /10ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống		300		
10.	692	Granisetron hydroclorid		1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống		16.000		

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai/kê khai lại	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
11.	703	Phloroglucinol hydrat + Trimethyl phloroglucinol		(40mg + 0,04mg)/4 ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống		5.500		
12.	708	Glycerol		2,25gam/3g ; tuýp 9g	Thụt hậu môn/ trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng		4					Tuýp		15.000		
13.	724	Kẽm gluconat		70mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống		4					Lọ/ống		6.000		
14.	755	Methyl prednisolon		40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô		4					Lọ/ống		10.000		
15.	757	Prednison		5mg	Uống	Viên bao tan ở ruột		4					Viên		8.000		
16.	889	Oxytocin		10UI/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống		130.000		
17.	891	Misoprostol		200mcg	Uống, Đặt âm đạo	Viên		4					Viên		20.000		
18.	900	Diazepam		10mg/ 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống		100		
19.	922	Risperidon		2mg	Uống	Viên		3					Viên		6.000		

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai/kê khai lại	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
20.	968	Ambroxol		15mg/5ml, 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống		4					Chai/Lọ / Ống/Túi		5.000		
21.	987	Acid amin*		10%/200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền		4					Chai/Lọ / Ống/Túi		300		
22.	992	Glucose		5%/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền		4					Chai/Lọ / Ống/Túi		25.000		
23.	994	Magnesi sulfat		0,15g/ml x 5ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền		4					Lọ/ống		4.000		
<b>Tổng cộng: 23 khoản</b>																	

**\* Phân nhóm thuốc theo quy định tại Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập:**

**+ Thuốc Biệt dược gốc:**

Các thuốc tại gói thầu thuốc biệt dược gốc phải được Bộ Y tế công bố trong danh mục thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu và được sản xuất toàn bộ tại các nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA.

**+ Nhóm 1 bao gồm thuốc** được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý được Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Thông tư này;

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Thông tư này.

+ **Nhóm 3** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

+ **Nhóm 4 bao gồm thuốc** được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.